

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
CHU VĂN AN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7

NĂM HỌC: 2024 – 2025

I. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- **Câu 1:** Đọc hiểu văn bản (5 điểm)
 - + Số lượng câu hỏi: 5 câu
 - + Mức độ nhận biết: 2 câu (1 điểm)
 - + Mức độ thông hiểu: 2 câu (2 điểm)
 - + Mức độ vận dụng: 1 câu viết đoạn văn 6 đến 8 câu (2 điểm)
 - + Nội dung hỏi: Xoay quanh đặc điểm thể loại, tiếng Việt và vận dụng từ ngữ liệu
- **Câu 2:** Viết bài văn biểu cảm về người mình yêu thương (5 điểm)
 - + Bao gồm cả 3 mức độ

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Phần đọc – hiểu

- **Thể loại:** Tản văn, tùy bút
- **Khái niệm:**
 - + *Tản văn*: là thể loại văn xuôi, ngắn gọn, hàm xúc có cách thể hiện đa dạng (Trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả,...), Nhưng nhìn chung đều mang tính chất châm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội.
 - + *Tùy bút* là thể loại trong kí, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến; đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng đời sống và vấn đề của đời sống.
- **Đặc điểm:**
 - + *Chất trữ tình*: Là yếu tố tạo nên từ vẻ đẹp cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc.

- + *Cái tôi*: Là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. Thông thường, nhận biết cái tôi qua cách xưng hô ngôi thứ nhất.
- + *Ngôn ngữ*: Tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.
 - Tiếng Việt
- + Phó từ: Là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ để chỉ số lượng, quan hệ thời gian, mức độ, khả năng, kết quả, sự phủ định, sự cầu khiến, sự tiếp diễn tương tự, phương hướng,...
- + Dấu chấm lửng: Dùng để biểu đạt ý có nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước đó; Thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng; làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm; biểu thị phần trích dẫn bị lược bỏ; mô phỏng âm thanh kéo dài.
- + Yếu tố Hán – Việt và từ ngữ có yếu tố Hán – Việt
- + Ngôn ngữ vùng miền: sự khác biệt ngữ âm và từ vựng giữa các vùng miền, góp phần tạo nên sự phong phú cho tiếng Việt.

2. Phần làm văn

- **Thể loại**: văn biểu cảm
- **Chủ đề**: biểu cảm về người em yêu thương
- *Yêu cầu đối với kiểu bài*
- + Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.
- + Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- + Kết hợp miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.
- Yêu cầu về bố cục: gồm 3 phần
- + **Mở bài**: Giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng
- + **Thân bài**: Biểu lộ cảm xúc suy nghĩ, cụ thể, một cách sâu sắc về đối tượng. Đối với bài văn biểu cảm về con người, người biết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó.
- + **Kết bài**: Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng; rút ra bài học đáng nhớ đối với bản thân.

III. Đề tham khảo

Câu 1: (5 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi

Bánh Cuốn

Ngoài bánh cuốn Thanh Trì ra, còn có nhiều bánh cuốn khác, mỗi thứ có một vị khác nhau. Bánh cuốn nhân mộc nhĩ, thường bán gánh, dày mình mà ăn vào hơi thô, nhưng nhai sậm sệt cũng có một cái hay riêng.

Thứ bánh cuốn trong có chiên một ít hành tai tái, ăn hơi mà mát về thanh. Đáng kể hơn là thứ bánh cuốn nhân thịt hiện nay bán nhiều ở các nẻo đường, trong những gian nhà thấp bé, tối tăm: một người con gái nhà nghèo ngồi bên cạnh một hai nồi nước nóng, trên có căng một mảnh vải phin mỏng, múc từng thìa bột xay sẵn, tãi ra trên vải, rồi tra nhân vào bánh, cuộn lại rồi hấp lên.

Nhân thứ bánh này làm bằng thịt lợn băm nhỏ, gia hành với một chút mộc nhĩ vào. Bánh làm xong, người ta phết một chút mỡ rồi rắc một ít ruốc tôm lên mặt bánh. Bánh này ăn nóng, bùi, ngấm ngấm thì cũng có một cái ngon riêng, nhưng chóng chán. Có lẽ cũng vì thế mà người ta luôn luôn tìm cách đổi vị đi: ai thích Lạp xưởng thì có thứ nhân Lạp xưởng, ai thích thịt gà thì có nhân thịt gà - và có nhà treo biển ở cửa gọi thế là “bánh cuốn nhân cải cách”! Buổi sáng mùa thu, đi qua một hàng bánh cuốn “cải cách” đó, thấy khói tỏa nghi ngút từ nồi nước hấp bánh lên như phủ những cái bánh đã hấp rồi trong một lớp the mờ mờ, khách đi đường cũng thấy nở lên một cái thú dùng thử dăm ba chiếc.

[...]

Ăn vào đến đâu, ám ngay lòng đến đấy. Thú hơn một bức là mình được ngồi ngay đầu quán mà ăn, được chiếc nào, ăn chiếc đó, thiếu nước chấm thì gọi lấy thêm ngay.

Ở nhà, mỗi lúc đâu đã có cái thú tự nhiên như vậy? Mình lại thấy bất thường cho những ông khệnh khạng, ăn một miếng giữ gìn một miếng, chỉ sợ ngồi ở “đầu đường xó chợ” thì “nhĩ mục quan chiêm”.

Ồi chào! Cứ ăn cho thích cái thần khẩu đã! Những lúc đó mình thấy ái ngại cho những vị tổng trưởng, bộ trưởng và giám đốc, không biết có bao giờ được thưởng thức quả như thế này không?

(Trích Món ngon Hà Nội, Vũ Bằng, NXB Lao Động 2009)

a. Thể loại của ngữ liệu trên là gì? (0,5 điểm)

b. Xác định phó từ trong câu sau đâu có công dụng gì? (1,0 điểm)

“Bánh này ăn nóng, bùi, ngấm ngấm thì cũng có một cái ngon riêng, nhưng chóng chán.”

c. Cùng là bánh cuốn nhưng ở Hà Nội lại có rất nhiều cách chế biến và các nguyên liệu đi kèm khác nhau theo em như vậy mang lại lợi ích gì? (0,5 điểm)

d. Em hãy cho biết chất trữ tình và cái tôi của tác giả trong ngữ liệu trên. (1 điểm)

e. Thông qua món bánh cuốn Hà Nội em hiểu như thế nào về văn hoá ẩm thực của người Hà Nội?

Trả lời bằng đoạn văn 6 đến 8 câu. (2 điểm)